

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 1250 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn tại Tờ trình số 434/TTr-BQLKTSNS ngày 18 tháng 3 năm 2016; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1342/SXD-PTĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp số 4, KKT Nghi Sơn thuộc địa giới hành chính xã Tùng Lâm và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia - Thanh hoá. Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch phân khu là 385,24 ha, ranh giới và phạm vi được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp : Khu công nghiệp số 3 và đường quy hoạch;
- Phía Nam giáp : Khu công nghiệp số 5 (đường vào mỏ sét Trường Lâm);
- Phía Tây giáp : Đường sắt Bắc Nam quy hoạch;
- Phía Đông giáp : Quốc lộ 1 A.

2. Tính chất của khu vực lập quy hoạch:

Là khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên loại hình công nghiệp cơ khí, lắp ráp động cơ và kho trung chuyển; bổ sung loại hình công nghiệp phụ trợ phục vụ lọc hoá dầu, chế tạo, vật liệu xây dựng.

3. Các chỉ tiêu về quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

3.1. Quy mô dân số:

Dự báo quy mô lao động khoảng: 30.800 – 38.500 lao động.

3.2. Quy mô đất đai:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: 385,24 ha

3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Tỷ lệ các loại đất:

+ Đất xây dựng nhà máy: 51 - 63%;

+ Đất trung tâm điều hành: 05 - 09%;

+ Đất kho trung chuyển: 1- 5%;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 02 - 05%;

+ Đường giao thông khu công nghiệp: 12 - 20%;

+ Đất cây xanh + mặt nước: 14 - 20%;

- Tầng cao công trình: $\leq 13m$ với nhà công nghiệp;

- Nhà công nghiệp:

+ Mật độ XD: 50 - 60%;

+ Hệ số sử dụng đất : 0,5 - 1,2;

- Công trình công cộng:
- + Mật độ XD: 30 - 40%;
- + Hệ số sử dụng đất : 1,4;
- Mô đun các lô đất công nghiệp có diện tích khoảng 10 ha.

3.4. Chỉ tiêu các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- a) Giao thông: + Mật độ đường: 4 ÷ 5 km/km²;
+ Tỷ lệ chiếm đất khoảng: 15%.
- b) Cấp nước: 22 m³/ha ngày;
- c) Cấp điện: 200 KW/ha;
- d) Thoát nước: 22 m³/ha ngày;
- e) Chỉ tiêu về chất thải rắn: lấy bình quân 1÷1,2 m³/ha/ngày.

4. Cơ cấu sử dụng đất.

Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất giữa quy hoạch điều chỉnh và quy hoạch đã được duyệt

STT	Loại đất	QH đã được duyệt		QH điều chỉnh		Tăng giảm so với QH được phê duyệt	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	232,25	61,33	245,34	63,69	13,09	2,36
2	Đất dịch vụ công cộng	10,40	2,7	14,14	3,67	3,74	0,97
3	Đất cây xanh mặt nước	54,74	14,2	43,79	11,37	-10,95	-2,83
4	Đất công trình kỹ thuật đầu mối	4,00	1,04	1,75	0,45	-2,25	-0,59
5	Đất giao thông	83,85	20,73	80,22	20,82	-3,63	0,09
	Tổng cộng	385,24	100,00	385,24	100,00	0,00	0,00

Bảng cơ cấu điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp số 4

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
1	Khu Công nghiệp	CN	237,66	50 - 60	01-02	61,69
	Khu A4	A	15,09	50 - 60	1-2	3,92
		A1	4,02	50 - 60	1-2	
		A2	5,10	50 - 60	1-2	
		A3	5,97	50 - 60	1-2	

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
	Khu B4	B	77,95	50 - 60	1-2	20,23
		B1	5,0	50 - 60	1-2	
		B2	3,98	50 - 60	1-2	
		B3	4,30	50 - 60	1-2	
		B4	5,81	50 - 60	1-2	
		B5	6,63	50 - 60	1-2	
		B6	6,69	50 - 60	1-2	
		B7	11,65	50 - 60	1-2	
		B8	5,98	50 - 60	1-2	
		B9	4,80	50 - 60	1-2	
		B10	4,80	50 - 60	1-2	
		B11	4,57	50 - 60	1-2	
		B12	8,54	50 - 60	1-2	
		B13	5,20	50 - 60	1-2	
	Khu C4	C	52,90	50 - 60	1-2	13,75
		C1	7,33	50 - 60	1-2	
		C2	4,65	50 - 60	1-2	
		C3	5,05	50 - 60	1-2	
		C4	5,95	50 - 60	1-2	
		C5	5,90	50 - 60	1-2	
		C6	5,86	50 - 60	1-2	
		C7	6,07	50 - 60	1-2	
		C8	5,83	50 - 60	1-2	
		C9	6,26	50 - 60	1-2	
	Khu D4	D	28,52	50 - 60	1-2	7,40
		D1	6,61	50 - 60	1-2	
		D2	6,23	50 - 60	1-2	
		D3	3,15	50 - 60	1-2	
		D4	7,08	50 - 60	1-2	
		D5	5,45	50 - 60	1-2	
	Khu E4	E	63,20	50 - 60	1-2	16,41
		E1	5,22	50 - 60	1-2	
		E2	6,45	50 - 60	1-2	
		E3	6,48	50 - 60	1-2	
		E4	6,52	50 - 60	1-2	
		E5	7,26	50 - 60	1-2	
		E6	4,81	50 - 60	1-2	
		E7	5,63	50 - 60	1-2	

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
		E8	6,45	50 - 60	1-2	
		E9	6,12	50 - 60	1-2	
		E10	8,26	50 - 60	1-2	
2	Khu núi đá	NĐ	7,68			1,99
3	Khu Dịch vụ - Công Cộng	CCI	14,14	30 - 40		3,67
		CC4-1	4,70		3	
		CC4-2	9,44		3	
4	Khu Cây Xanh - công viên mặt nước.	CX	43,79			11,37
		CX1	14,06			
		CX2	4,30			
		CX3	4,27	5	1	
		CX4	4,04	5	1	
		MN	17,12			
5	Khu CT Kỹ Thuật Đầu Mối	XLNT	1,75	10	1-2	0,45
6	Đất giao thông		80,22			20,82
	Tổng		385,24			100,00

5. Phân khu chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị.

5.1. Đất công cộng - dịch vụ thương mại:

- Bố trí trung tâm điều hành khu công nghiệp và văn phòng cho thuê tại hai vị trí cửa ngõ vào khu công nghiệp, tiếp giáp với trục đường Nghi Sơn – Bãi Trành. Hai cụm công trình này bao gồm nhà điều hành và dịch vụ công cộng cho khu công nghiệp, trung tâm quảng bá giới thiệu sản phẩm, bãi để xe. Hệ thống các công trình này được bố trí trên trục đường giao thông và cổng chính vào khu công nghiệp tạo nên không gian điểm nhấn cho toàn khu công nghiệp.

- Bố trí khu dịch vụ thương mại khu công nghiệp tại nút giao thông lập thể giữa đường quốc lộ 1A và đường Nghi Sơn - Bãi Trành. Đây là vị trí thuận lợi cho phục vụ cả trong và ngoài khu công nghiệp.

- Quy mô diện tích: 14,14ha (chiếm 3,67%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với từng ô đất:

+ Mật độ xây dựng công trình: 30 – 40 %.

+ Tầng cao công trình trung bình 3 tầng.

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Kiến trúc công trình độc đáo, mang tính biểu tượng cao tạo điểm nhấn cho toàn khu công nghiệp và tạo sự hấp dẫn, định hướng kiến trúc cho toàn khu. Hệ thống hạ tầng đi ngầm, tạo mỹ quan cho kiến trúc công trình.

5.2. Đất sản xuất công nghiệp:

- Được bố trí thành các tổ hợp công nghiệp lớn, chiếm tỷ lệ diện tích lớn trong toàn khu công nghiệp. Loại hình công nghiệp chủ đạo là cơ khí lắp ráp và cơ khí chế tạo được bố trí theo mức độ ô nhiễm. Công nghiệp cơ khí lắp ráp có mức độ ô nhiễm ít bố trí ở phía Đông khu đất giáp với quốc lộ 1A. Công nghiệp cơ khí chế tạo và đúc bố trí về phía Tây khu đất. Dự kiến phân bổ các lô đất theo môđul để thuận lợi cho đầu tư các nhà xưởng sản xuất. Căn cứ vào quá trình đầu tư cụ thể sẽ có dây truyền công nghệ liên kết thích hợp trong toàn khu công nghiệp.

- Quy mô diện tích: 237,66ha (chiếm 61,96%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Mật độ xây dựng: 50 - 60%.

+ Tầng cao xây dựng trung bình 1-2 tầng.

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Hạ tầng trong hàng rào nhà máy đảm bảo phù hợp với yêu cầu công nghệ và đảm bảo chất lượng môi trường cảnh quan cho khu công nghiệp. Hạ tầng ngoài hàng rào kết nối đồng bộ, hiện đại trong toàn khu công nghiệp. Toàn bộ chất thải của nhà máy phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

5.3. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối:

- Bố trí ở vị trí có liên lạc thuận lợi với hạ tầng đầu mối chung của khu kinh tế Nghi Sơn. Trạm xử lý nước thải bố trí ở cạnh hồ phía Nam Khu công nghiệp đảm bảo thuận lợi cho tiêu thoát nước.

- Quy mô diện tích: 1,75ha (chiếm 0,45%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Mật độ xây dựng: 10%.

+ Tầng cao xây dựng trung bình 1-2 tầng.

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống các công trình đầu mối phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và xử lý thẩm mỹ kiến trúc phù hợp với không gian cảnh quan kiến trúc toàn khu.

5.4. Đất cây xanh - mặt nước:

- Đất cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, sông hồ mặt nước, bãi đỗ xe và cây xanh công viên. Bố trí phân tán trên toàn khu quy hoạch. Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu cách ly và góp phần tạo lập cảnh quan cho khu công nghiệp. Khai thác các vị trí của các khu cây xanh để xây dựng thành các khu chức năng cho khu đất phục vụ cho nhu cầu hoạt động của khu công nghiệp.

- Cụm tổ hợp công nghiệp bố trí mật độ cây xanh hợp lý trong khu vực nhà máy góp phần cải thiện môi trường sản xuất, tạo tiện nghi lao động cho người công nhân.

- Quy mô diện tích: 43,79ha (chiếm 11,37%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Mật độ xây dựng: 5%.

+ Tầng cao xây dựng trung bình 1 tầng.

6. Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Lây trục đường Nghi Sơn – Bãi Trành, trục đường đi mở sét và kết nối với khu công nghiệp 3 làm trục đầu nối chính, tổ chức mạng lưới đường gắn kết với quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn qua điểm đầu nối đường Đông Tây đi cảng Nghi Sơn và đường gom đường sắt hiện trạng.

- Đường trong KCN 4 có các loại đường sau:

+ Trục chính KCN theo hướng Đông - Tây (đường nối cảng Nghi Sơn - đường cao tốc theo quy hoạch), lộ giới 60,0m bao gồm: lòng đường 15,0m x 2, vỉa hè 10,0m x 2, giải phân cách 10,0m.

+ Đường bao khu vực phía Đông và Bắc KCN, lộ giới 27,0 m, lòng đường 15,0 m, vỉa hè 6,0m x 2.

+ Tuyến đường dọc đường sắt Bắc Nam hiện có lộ giới 107,0m bao gồm: hành lang bảo vệ đường sắt 15,0m, cây xanh cách ly 19,0m x 2, đường gom 2 bên với mỗi bên lộ giới 27,0m.

+ Các đường mang tính chất đường nhánh khu vực phân chia các khu chức năng, lộ giới 43,0m bao gồm: lòng đường 12,0m x 2, vỉa hè 8,0m x 2 giải phân cách 3 m và lộ giới 27,0m bao gồm: lòng đường 15,0m, vỉa hè 6,0m x 2.

6.2. Quy hoạch san nền:

Căn cứ trên cao độ tự nhiên của khu vực, cao độ đường 1A và cao độ thiết kế của đường Nghi Sơn – Bãi Trành. Cao độ san nền khu vực được khống chế từ: + 3,9m đến + 7,0 m.

Địa hình nghiêng dần từ Tây sang Đông và dốc dần từ đường Quốc lộ 1A xuống hồ điều hoà chảy ra sông Bạng qua cầu Hồ.

Hướng dốc san nền cục bộ trong lô đất là tạo dốc về phía các trục đường từ đó nước mưa được thu vào hệ thống thoát nước đặt dưới vỉa hè và được dẫn vào hệ thống thoát nước chung và đổ vào mương thoát nước.

6.3. Quy hoạch thoát nước:

- Quy hoạch thoát nước mưa: Thoát nước cho khu vực được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ lượng nước mưa và nước thải đã qua xử lý sẽ được thoát ra hồ điều hoà và ra sông Lạch Bạng qua cầu Hồ. Toàn bộ khu vực nghiên cứu có 03 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1 là từ trục đường Nghi Sơn – Bãi Trành về phía Bắc của khu, toàn bộ nước mưa của lưu vực này sẽ được thu gom và thoát về mương hồ 3x2m dẫn ra trạm bơm Thê Vinh. Đường kính cống của lưu vực D800.

+ Lưu vực 2 là từ trục đường sắt Bắc – Nam về phía Đông của khu, toàn bộ nước mưa của lưu vực này sẽ được thu gom và thoát về hồ điều hoà đổ ra sông Lạch Bạng qua cầu Hồ. Đường kính cống của lưu vực từ D800 đến D1500.

+ Lưu vực 3 là từ trục đường sắt Bắc – Nam về phía Tây của dự án, toàn bộ nước mưa của lưu vực này sẽ được thu gom và thoát về hệ thống mương hồ 3x2m qua cầu Mét dẫn về hồ điều hoà đổ ra sông Lạch Bạng qua cầu Hồ. Đường kính cống của lưu vực từ D800 đến D1500.

+ Bổ sung hệ thống mương hồ chạy dọc giới hạn phía Tây khu đất dự án (kích thước B(đáy)xH = 4x2,2m) chảy qua cầu Mét dẫn về hồ điều hoà (kích thước B(đáy)xH = 8x2,2m), tổng chiều dài mương 3530m. Hệ thống mương hồ có chức năng thu gom nước hiện trạng giáp danh phía Tây khu vực dự án.

+ Tất cả các tuyến cống thoát nước được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lí sau này, toàn bộ cống, giếng thăm, các giếng thu nước mưa bố trí trên vỉa hè chạy bên đường khoảng cách giữa 2 giếng thu từ 30m đến 60m.

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với thoát nước mưa. Nước thải của các khu công nghiệp được xử lý cục bộ tại mỗi khu sẽ được thoát về trạm xử lý nước thải chung của khu, nước sau khi xử lý thoát ra sông Lạch Bạng.

+ Quy hoạch các đường cống dẫn nước thải trên vỉa hè có đường kính D300mm - 400mm, các giếng thăm có khoảng cách từ 30m đến 50m, độ dốc cống $i=0,3\% \pm 0,4\%$. Tất cả các tuyến cống có hướng thoát theo hướng dốc của đường, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm xử lý.

+ Các khu nhà máy, xí nghiệp khi tham gia vào hoạt động của KCN 4 đều phải xử lý đạt cấp B rồi mới xả vào hệ thống thoát nước thải tập trung của khu vực, sau đó được xử lý tập trung đạt cấp A theo tiêu chuẩn TCVN 6984 -2001. Quy hoạch một trạm xử lý nước thải ở phía Bắc dự án công suất: $Q=5.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ lộ 110KV dọc tuyến đường vào mỏ sét Trường Lâm.

- Trạm biến áp toàn khu: Cấp cho khu vực lập quy hoạch lấy từ trạm 110kV Quy hoạch mới tại khu CN5 có công suất $S = 3 \times 50 \text{ MVA}$ cấp cho cả 3 khu công nghiệp số 3, số 4, số 5 (theo QHC xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 có công suất $2 \times 40 \text{ MVA}$).

- Giải pháp thiết kế cho toàn bộ hệ thống cấp điện trung áp là đường 22kv, đường dây hạ áp cấp điện chiếu sáng trong khu công nghiệp và hệ thống cấp điện hạ áp 0,4KV đi ngầm.

- Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống cấp điện động lực và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động. Cấp điện chiếu sáng đường trong khu công nghiệp: Sử dụng cáp ngầm CU/XPLE/DSTA/PVC $4 \times 16 \text{ mm}^2$; $4 \times 10 \text{ mm}^2$ cấp đến hộp kỹ thuật điện tại chân cột đèn.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn và nhu cầu cấp nước:

+ Nguồn nước cấp giai đoạn thi công lấy từ nhà máy nước Bình Minh. Nguồn nước cấp giai đoạn ổn định đáp ứng công suất lấy từ nhà máy nước Khe Sanh (tại Khu đô thị số 2) công suất $90.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$ Nguồn nước cấp cho sản xuất trích từ ống cấp D300 từ hồ Yên Mỹ qua Khu công nghiệp số 3.

+ Nhu cầu dùng nước cấp cho khu công nghiệp gồm cả dự phòng, tổn thất được tính toán là: $7.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Tổ chức mạng lưới đường ống cấp nước sản xuất:

+ Quy hoạch hệ thống cấp nước sản xuất và hệ thống cấp nước chữa cháy riêng.

+ Các tuyến ống trên mạng được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường có đường kính từ D100 đến D300.

+ Tại các điểm lấy nước vào các khu công nghiệp đều bố trí van khóa và ống chờ để cấp nước vào trong khu.

- Tổ chức mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy: Đường ống chữa cháy được quy hoạch riêng với mạng cấp nước sinh hoạt, Tuyến ống, các họng chữa cháy được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường. Toàn dự án bố trí 90 họng chữa cháy các họng chữa cháy được đặt cách nhau trung bình 150m, cách mép vỉa hè không quá 2,5m.

6.6. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

Một số giải pháp cơ bản khắc phục ô nhiễm môi trường khi hình thành khu quy hoạch:

+ Tăng cường trồng cây xanh theo các trục đường, khu vực cách ly, bảo đảm mật độ cây xanh cho toàn KCN và trong các nhà máy, xí nghiệp tập trung.

+ Tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải rắn 100%, tại các xí nghiệp công nghiệp, khu công trình công cộng... bố trí các điểm thu gom rác thải tập trung, chất thải được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý CTR của huyện Tĩnh Gia.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường.

- Tăng cường tỷ lệ cây xanh để nâng cao diện tích cây xanh trong khu vực, đặc biệt là hệ thống cây xanh cách ly sẽ giúp cải thiện môi trường tại khu vực;

- Thực hiện các biện pháp quan trắc môi trường để có biện pháp xử lý phù hợp khi có diễn biến môi trường bất lợi;

- Các hoạt động xây dựng khu công nghiệp phải được thực hiện đúng quy trình quy định để giảm thiểu các tác động môi trường. Mạng lưới cơ sở hạ tầng xây dựng đồng bộ, hoàn thiện và khai thác sử dụng theo từng khu vực;

- Phân vùng môi trường để có biện pháp bảo vệ thích hợp cho từng khu vực;

8. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

8.1. Những hạng mục ưu tiên:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, san lấp, chuẩn bị kỹ thuật ...).

- Xây dựng, cải tạo một số tuyến đường chính.

- Hệ thống công trình công cộng.

8.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn của chủ đầu tư và vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Bàn giao tài liệu quy hoạch cho chính quyền địa phương để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa và quản lý hệ thống mốc giới theo quy hoạch được duyệt;

b) Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Tĩnh Gia theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2016)QDPD_QHCT KCN số 4 Nghi Sơn

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xúng